

THỊ TRƯỜNG CAO SU

- ▶ Trong tháng 12/2020, giá cao su tại Sở giao dịch hàng hóa Osaka Exchange (OSE) tăng, trong khi giá tại Sàn giao dịch hàng hóa tương lai Thượng Hải và Thái Lan giảm.
- ▶ Trong tháng 12/2020, giá mủ cao su nguyên liệu trên cả nước tăng trong 10 ngày đầu tháng, sau đó có xu hướng giảm.
- ▶ Theo ước tính, xuất khẩu cao su của Việt Nam trong tháng 12/2020 đạt 225 nghìn tấn, trị giá 358 triệu USD, tăng 13,2% về lượng và tăng 29,8% về trị giá so với tháng 12/2019. Năm 2020, xuất khẩu cao su ước đạt 1,75 triệu tấn, trị giá 2,38 tỷ USD, tăng 2,8% về lượng và tăng 3,5% về trị giá so với năm 2019.
- ▶ Trong 10 tháng năm 2020, Việt Nam là thị trường cung cấp cao su lớn thứ 14 cho Hoa Kỳ.

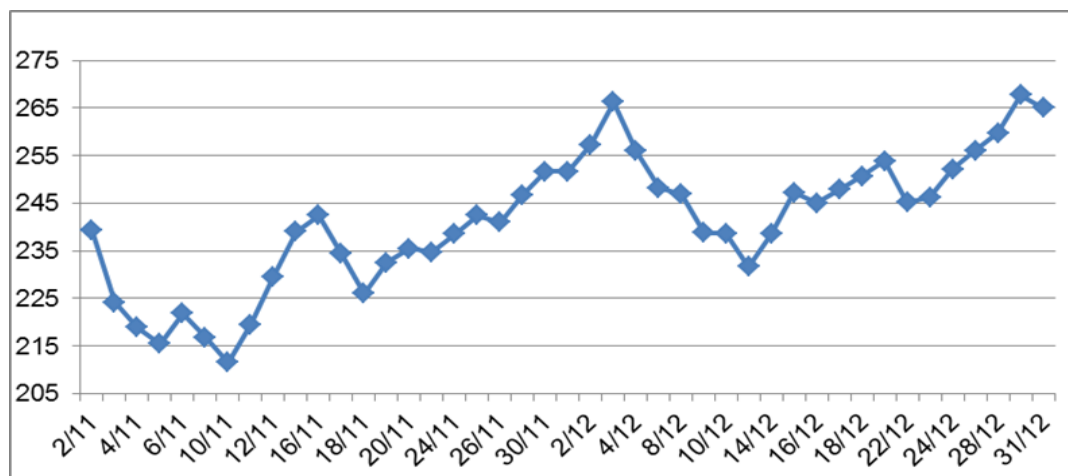
THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Trong tháng 12/2020, giá cao su tại Sở giao dịch hàng hóa Osaka Exchange (OSE) tăng, trong khi giá tại Sàn giao dịch hàng hóa tương lai Thượng Hải và Thái Lan giảm, cụ thể:

+ Tại Sở giao dịch hàng hóa Osaka Exchange (OSE) Nhật Bản giá cao su sau khi giảm trong nửa

đầu tháng 12/2020 đã tăng trở lại do lo ngại nguồn cung khan hiếm. Ngày 31/12/2020, giá cao su RSS3 giao kỳ hạn tháng 01/2021 giao dịch ở mức 265 Yên/kg (tương đương 2,57 USD/kg), tăng 5,3% so với cuối tháng 11/2020 và tăng 49,5% so với cùng kỳ năm 2019.

Diễn biến giá cao su RSS3 giao kỳ hạn tháng 01/2021 tại sàn Osaka trong tháng 12/2020 (ĐVT: Yên/kg)



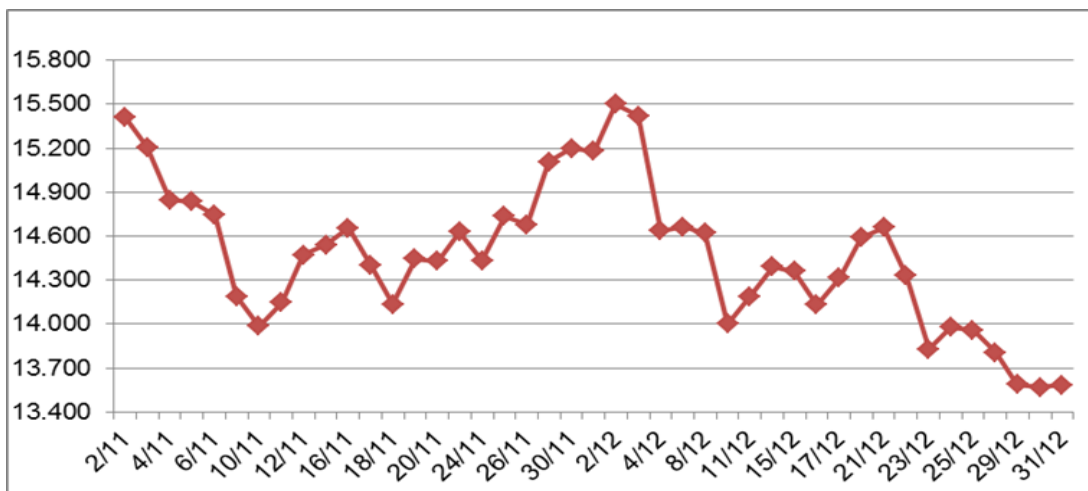
Nguồn: cf.market-info.jp



+ Tại Sàn giao dịch hàng hóa tương lai Thượng Hải (SHFE), ngày 31/12/2020, giá cao su RSS3 giao kỳ hạn tháng 01/2021 ở mức 13.585 NDT/tấn

(tương đương 2,08 USD/kg), giảm 10,6% so với cuối tháng 11/2020, nhưng tăng 7,2% so với cùng kỳ năm 2019.

Diễn biến giá cao su giao kỳ hạn tháng 01/2021 tại sàn SHFE trong tháng 12/2020
(ĐVT: NDT/tấn)

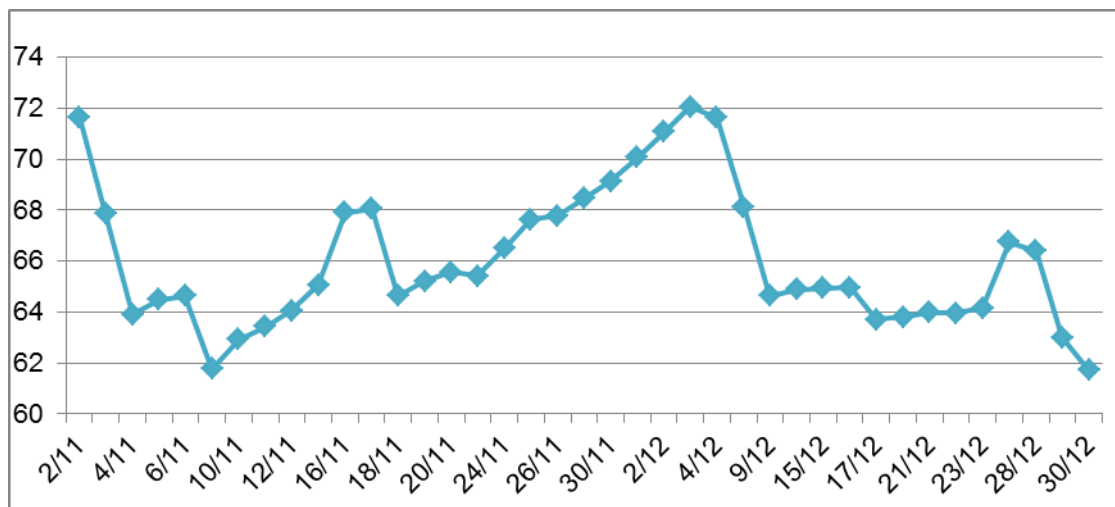


Nguồn: shfe.com.cn

+ Tại Thái Lan, ngày 30/12/2020, giá cao su RSS 3 chào bán ở mức 61,7 Baht/kg (tương đương 2,09 USD/kg), giảm 10,7% so với cuối tháng

11/2020, nhưng tăng 26,3% so với cùng kỳ năm 2019.

Diễn biến giá cao su RSS3 tại Thái Lan trong tháng 12/2020
(ĐVT: Baht/kg)



Nguồn: thainr.com

Thị trường cao su dự kiến ổn định trong thời gian tới khi mùa đông tại các nước sản xuất Đông Nam Á sẽ đến sớm vào đầu năm 2021, mùa đông thường dài từ tháng 2 - tháng 5 tại Thái Lan, Ma-lai-xi-a và In-đô-nê-xi-a, khiến sản lượng mủ cao su suy giảm. Chất lượng và sản lượng mủ cao su tại Thái Lan, Ma-lai-xi-a, Ấn Độ hiện nay cũng đang bị ảnh hưởng đáng kể do thời tiết xấu.

Hiệp hội Công nghiệp Cao su toàn Ấn Độ (AIRIA) đã kêu gọi hợp lý hóa cơ cấu thuế cho mặt hàng cao su. Theo Hiệp hội, cơ cấu thuế ngược đang tác động tiêu cực đến ngành công nghiệp địa phương, nhập khẩu nguyên liệu thô như cao su thiên nhiên và mủ cao su phải chịu mức thuế nhập khẩu cao tới 70%. Trong khi đó, cao su thành phẩm ghi nhận mức thuế thấp hơn nhiều. Chính phủ nên xem xét cung cấp hỗ trợ đầy đủ thiết bị cho các nhà

sản xuất để tăng cường nội địa hóa trong lĩnh vực cao su của Ấn Độ. Hàng hóa ngày càng mất giá do chủng Covid-19 mới lây lan nhanh chóng khiến thị trường cao su hiện chịu nhiều áp lực.

Trung Quốc: Bộ Thương mại Trung Quốc đã chính thức áp thuế chống bán phá giá đối với mặt hàng cao su từ Hoa Kỳ, Hàn Quốc và Liên minh châu Âu (EU) kể từ ngày 20/12/2020, do cho rằng

ngành công nghiệp nội địa của nước này đã phải chịu thiệt hại đáng kể do các đối tác thương mại trên bán phá giá các sản phẩm cao su tổng hợp. Theo đó, để giải quyết tình trạng bán phá giá, các mức thuế được áp dụng trong vòng 5 năm là 12,5 - 222% đối với các công ty nhập khẩu sản phẩm cao su tổng hợp được dùng rộng rãi trong xây dựng, dây điện và công nghiệp ô tô.



THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Trong tháng 12/2020, giá mủ cao su nguyên liệu trên cả nước tăng trong 10 ngày đầu tháng, sau đó có xu hướng giảm. Ngày 30/12/2020, Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng thông báo giá thu mua mủ nước tại vườn ở mức 330 đồng/TSC, giảm 20 đồng/TSC so với cuối tháng 11/2020; giá thu

mua mủ nước tại nhà máy ở mức 250 đồng/TSC, giảm 30 đồng/TSC so với cuối tháng 11/2020.

Trong tháng 12/2020, Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh cũng 8 lần thông báo điều chỉnh giá thu mua mủ cao su nguyên liệu tại vườn và nhà máy, cụ thể:

Giá thu mua mủ cao su nguyên liệu của Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh trong tháng 12/2020

Chủng loại	ĐVT	Ngày 25/11	Ngày 9/12	Ngày 11/12	Ngày 21/12	Ngày 22/12	Ngày 25/12	Ngày 26/12	Ngày 28/12	Ngày 30/12
Mủ cao su nước tại vườn	Đ/độ TSC	325	345	320	345	335	323	330	320	315
Mủ cao su nước tại nhà máy	Đ/độ TSC	330	350	325	350	340	328	335	325	320
Mủ chén, dây khô	đ/kg	12.200	13.100	11.300	12.900	12.300	11.700	12.000	11.500	11.200
Mủ chén ướt	đ/kg tươi	8.400	9.000	7.800	8.900	8.500	8.100	8.300	7.900	7.800
Mủ chén, dây vừa	đ/kg tươi	10.800	11.600	10.000	11.400	10.900	10.400	10.600	10.400	9.900
Mủ tạp	đ/kg tươi	12.200	13.100	11.300	12.900	12.300	11.700	12.000	11.500	11.200
Mủ tận thu	đ/kg tươi	4.500	4.800	4.200	4.800	4.600	4.300	4.400	4.400	4.100

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh

TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU CAO SU CỦA VIỆT NAM

Theo ước tính, xuất khẩu cao su của Việt Nam trong tháng 12/2020 đạt 225 nghìn tấn, trị giá 358 triệu USD, tăng 4% về lượng và tăng 8,1% về trị giá so với tháng 11/2020; so với tháng 12/2019 tăng 13,2% về lượng và tăng 29,8% về trị giá; giá xuất khẩu bình quân tăng 14,7% so với cùng kỳ năm 2019 lên mức 1.591 USD/tấn. Năm 2020, xuất khẩu cao su ước đạt 1,75 triệu tấn, trị giá 2,38 tỷ USD, tăng 2,8% về lượng và tăng 3,5% về trị giá so với năm 2019, giá xuất khẩu bình quân ở mức 1.362 USD/tấn, tăng 0,7% so với năm 2019.

Theo tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, trong 11 tháng năm 2020, hỗn hợp cao su tự nhiên và cao su tổng hợp (Mã HS 400280) là mặt hàng được xuất khẩu nhiều nhất, chiếm 65,54% tổng lượng cao su xuất khẩu của cả nước, với 997,62 nghìn tấn, trị giá 1,33 tỷ USD, tăng 25%

về lượng và tăng 23,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, xuất khẩu sang Trung Quốc chiếm 99% tổng lượng hỗn hợp cao su tự nhiên và cao su tổng hợp xuất khẩu của cả nước, với 987,63 nghìn tấn, trị giá 1,32 tỷ USD, tăng 24,8% về lượng và tăng 23,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019.

Nhìn chung, trong 11 tháng năm 2020, xuất khẩu phần lớn các chủng loại cao su đều giảm so với cùng kỳ năm 2019, trừ xuất khẩu cao su Latex, cao su tái sinh, cao su dạng Crếp và SVR CV40 tăng.

Về giá xuất khẩu: Trong 11 tháng năm 2020, giá xuất khẩu bình quân hầu hết các chủng loại cao su đều có xu hướng giảm so với cùng kỳ năm 2019, trong khi giá xuất khẩu cao su Latex, SVR 3L, SVR CV60, RSS3, cao su hỗn hợp, cao su tái sinh, SVR CV50 tăng.

Chủng loại cao su xuất khẩu của Việt Nam trong 11 tháng năm 2020

Chủng loại	11 tháng năm 2020			So với 11 tháng năm 2019 (%)			Tỷ trọng tính theo lượng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Giá XK TB (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá XK TB	11 tháng năm 2019	11 tháng năm 2020
Hỗn hợp cao su tự nhiên và cao su tổng hợp (HS: 400280)	997.625	1.333.687	1.337	25,0	23,8	-1,0	53,05	65,54
Latex	168.777	170.455	1.010	19,7	25,0	4,5	9,38	11,09
SVR 3L	109.852	161.920	1.474	-42,6	-41,3	2,3	12,73	7,22
SVR 10	92.264	124.087	1.345	-45,1	-46,6	-2,7	11,18	6,06
SVR CV60	54.306	83.292	1.534	-19,3	-17,6	2,1	4,48	3,57
RSS3	53.091	80.368	1.514	-26,9	-25	2,7	4,83	3,49
SVR CV50	14.886	23.098	1.552	-0,1	2,0	2,1	0,99	0,98
SVR 20	8.700	11.508	1.323	-53,0	-54,7	-3,6	1,23	0,57
Cao su tái sinh	6.447	4.744	736	23,9	56,8	26,6	0,35	0,42
RSS1	6.168	9.522	1.544	-47,4	-47,8	-0,7	0,78	0,41
Cao su hỗn hợp (HS: 4005)	4.102	9.155	2.232	-60,7	-50,2	26,7	0,69	0,27
Cao su tổng hợp	1.759	4.194	2.384	-9,7	-27,5	-19,7	0,13	0,12
Cao su dạng Crếp	1.744	1.200	688	4.614	2.312	-48,8	0,00	0,11
SVR 5	1.346	2.017	1.499	-37,5	-38,2	-1,1	0,14	0,09
Skim block	529	528	999	15,5	11,8	-3,2	0,03	0,03
SVR CV40	292	445	1.526	44,6	45,6	0,7	0,01	0,02
CSR 10	201,6	262	1.300					0,01

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU CAO SU CỦA HOA KỲ TRONG 10 THÁNG NĂM 2020 VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu thống kê của Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ, 10 tháng năm 2020, Hoa Kỳ nhập khẩu 1,33 triệu tấn cao su (mã HS: 4001, 4002, 4003, 4005), trị giá 2,32 tỷ USD, giảm 19,7% về lượng và giảm 25,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, In-đô-nê-xi-a, Thái Lan, Ca-na-đa, Hàn Quốc và Đức là 5 thị trường lớn nhất cung cấp cao su cho Hoa Kỳ.

Trong 10 tháng năm 2020, Việt Nam là thị trường cung cấp cao su lớn thứ 14 cho Hoa Kỳ với 19,64 nghìn tấn, trị giá 28,46 triệu USD, giảm 26,5% về lượng và giảm 20,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019, thị phần cao su Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu cao su của Hoa Kỳ chiếm 1,47%, giảm nhẹ so với mức 1,61% của 10 tháng năm 2019.

Thị trường cung cấp cao su cho Hoa Kỳ trong 10 tháng năm 2020 (mã HS: 4001, 4002, 4003, 4005)

Thị trường	10 tháng năm 2020		So với 10 tháng năm 2019 (%)		Tỷ trọng tính theo lượng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	10 tháng năm 2019	10 tháng năm 2020
Tổng	1.335.353	2.322.929	-19,7	-25,7	100	100
In-đô-nê-xi-a	390.439	567.739	-20,1	-23,5	29,38	29,24
Thái Lan	168.011	297.386	-21,7	-20,5	12,90	12,58
Ca-na-đa	145.302	292.097	-17,1	-25,7	10,54	10,88
Hàn Quốc	73.783	112.236	-13,1	-34,5	5,10	5,53
Đức	66.629	144.486	-19,5	-30,9	4,98	4,99
Mê-hi-cô	57.834	101.877	-7,6	-23,8	3,77	4,33
Nhật Bản	55.625	152.300	-29,9	-32,8	4,77	4,17
Bờ Biển Ngà	44.385	64.028	-4,4	-7,9	2,79	3,32
Pháp	42.586	90.620	-18,4	-26,8	3,14	3,19
Nga	38.046	68.185	-42,4	-45,0	3,97	2,85
Đài Loan	30.514	60.125	-15,8	-28,6	2,18	2,29
Li-bê-ri-a	25.406	34.773	-32,1	-33,7	2,25	1,90
Ma-lay-xi-a	20.848	31.477	-31,3	-34,8	1,82	1,56
Việt Nam	19.646	28.463	-26,5	-20,6	1,61	1,47
Tây Ban Nha	15.444	27.113	-15,0	-30,0	1,09	1,16
Thị trường khác	140.855	250.025	-12,7	-16,6	9,71	10,54

Nguồn: Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ





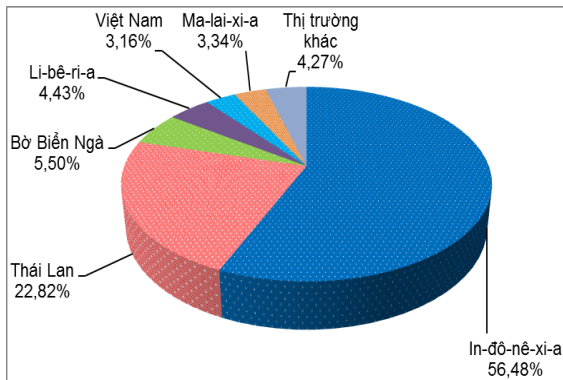
Về chủng loại nhập khẩu:

Trong 10 tháng năm 2020, nhập khẩu cao su tự nhiên (Mã HS 4001) của Hoa Kỳ đạt 664,19 nghìn tấn, trị giá 978,7 triệu USD, giảm 21,3% về lượng và giảm 23,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019. In-đô-nê-xi-a, Thái Lan, Bờ Biển Ngà, Li-bê-ri-a và Việt Nam là 5 thị trường lớn nhất cung cấp cao su tự nhiên cho Hoa Kỳ trong 10 tháng năm 2020.

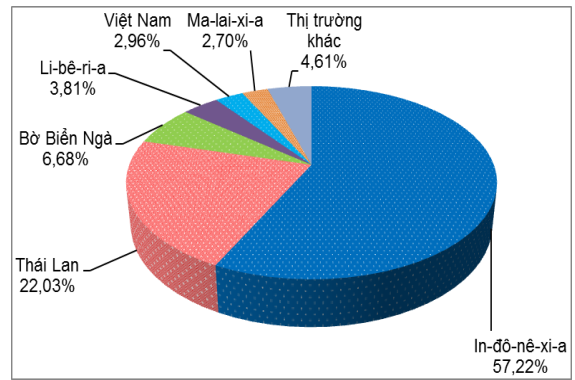
Trong 10 tháng năm 2020, Việt Nam là thị trường cung cấp cao su tự nhiên lớn thứ 5 cho Hoa Kỳ, với 19,62 nghìn tấn, trị giá 28,27 triệu USD, giảm 26,4% về lượng và giảm 20,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019, thị phần cao su tự nhiên của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Hoa Kỳ chiếm 2,96%, giảm nhẹ so với 3,16% của 10 tháng năm 2019.

Cơ cấu thị trường cung cấp cao su tự nhiên (mã HS: 4001) cho Hoa Kỳ (ĐVT: % tính theo lượng)

10 tháng năm 2019



10 tháng năm 2020



Nguồn: Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ

Trong 10 tháng năm 2020, Hoa Kỳ nhập khẩu 483,38 nghìn tấn cao su tổng hợp (mã HS 4002), trị giá 924,9 triệu USD, giảm 18,7% về lượng và giảm 29,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019. Hàn Quốc, Đức, Nhật Bản, Mê-hi-cô và Pháp là 5 thị trường lớn nhất cung cấp cao su tổng hợp cho Hoa Kỳ trong 10 tháng năm 2020.

Cơ cấu thị trường cung cấp cao su tổng hợp cho Hoa Kỳ trong 10 tháng năm 2020 có sự thay đổi khi thị phần cao su tổng hợp của Nhật Bản trong tổng nhập khẩu của Hoa Kỳ giảm; trong khi thị phần của Hàn Quốc, Đức, Mê-hi-cô và Pháp lại tăng. Cao su tổng hợp của Việt Nam chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng nhập khẩu của Hoa Kỳ.